CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Nhựa Picomat

Ngày 30/09/2025	20,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.6%	**8.8%**	**51.1%**

DT thuần
Q3/25
36.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.60| -1.5%
YoY: ▼2.60| -6.6%

LN thuần
Q3/25
10.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.25| 143%
YoY: ▲ 6.47| 156%

LN sau thuế
Q3/25
8.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.07| 156%
YoY: ▲ 5.30| 175%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
29.8%
YoY: +/-▲ 17.6%

ROE (TTM)
Q3/25
7.0%
YoY: +/-▲ 1.9%

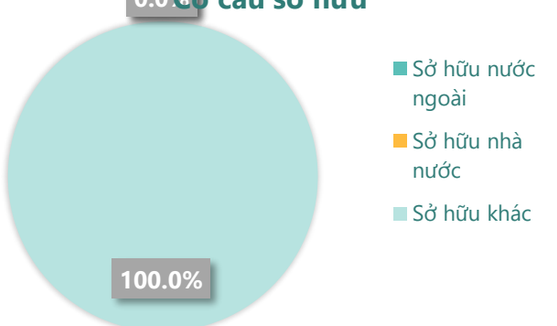
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,238 - 20,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	508
Số lượng CPLH (CP)	25,409,893
KLGD BQ 20 phiên (CP)	142,305
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.21
EPS	730
P/E	27.4

DT thuần
9T 2025
103
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.0| -20.0%

LN thuần
9T 2025
17.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.74| 79.0%

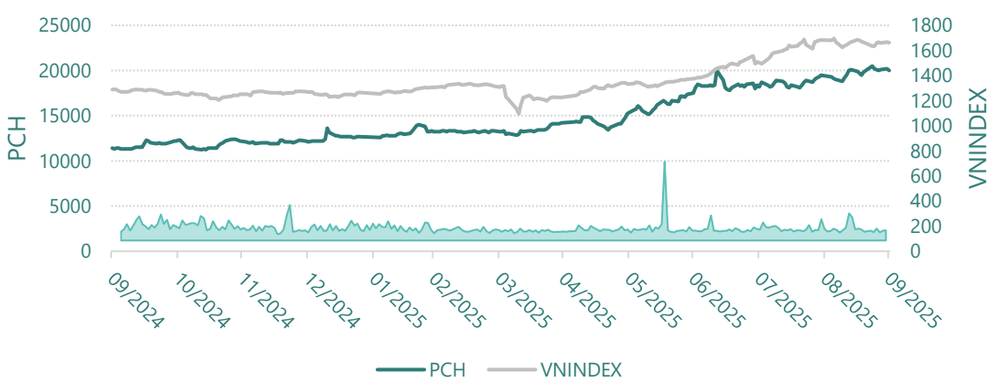
LN sau thuế
9T 2025
13.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.29| 87.8%

Cơ cấu sở hữu

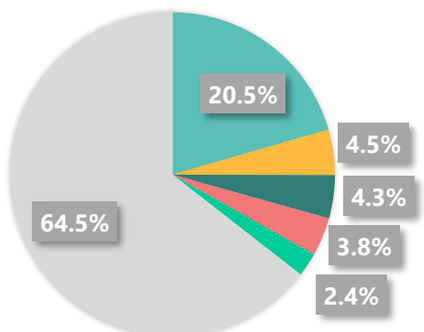


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

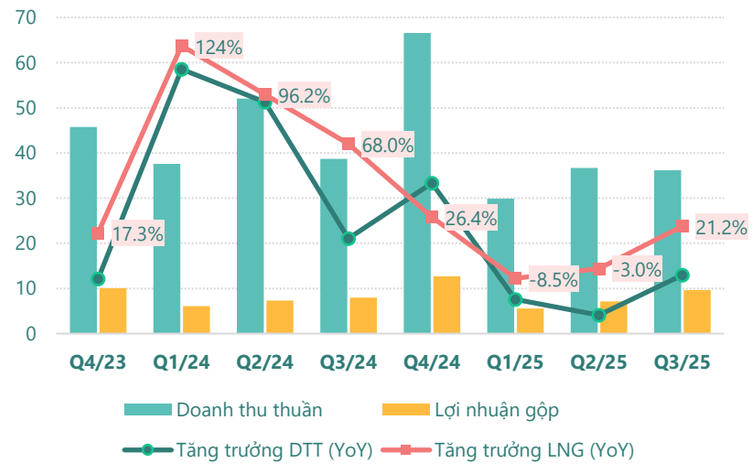


- Đỗ Thanh Hải (Chủ tịch HĐQT)
- Đỗ Hải Đăng (Thành viên HĐQT)
- Đỗ Mạnh Tú
- Đào Thị Kim Oanh (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Thu Hằng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

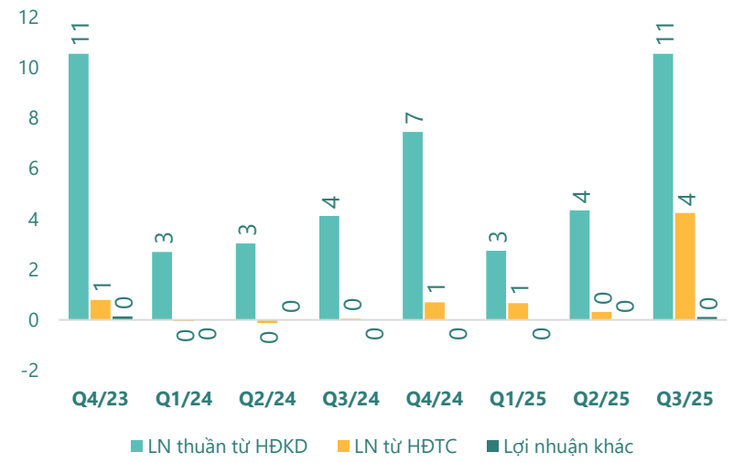
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



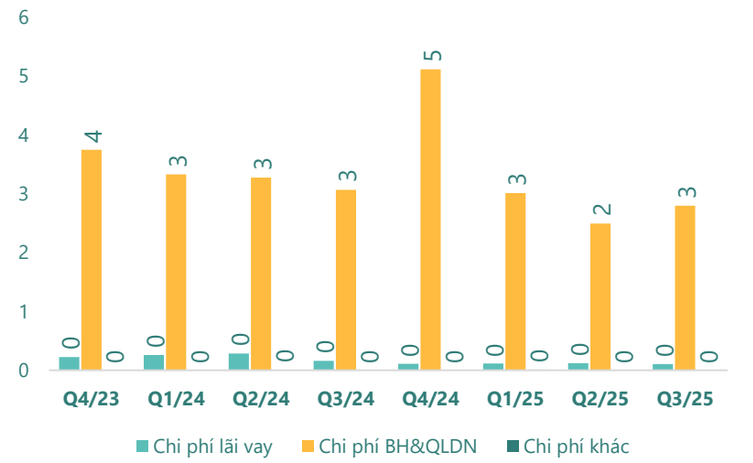
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



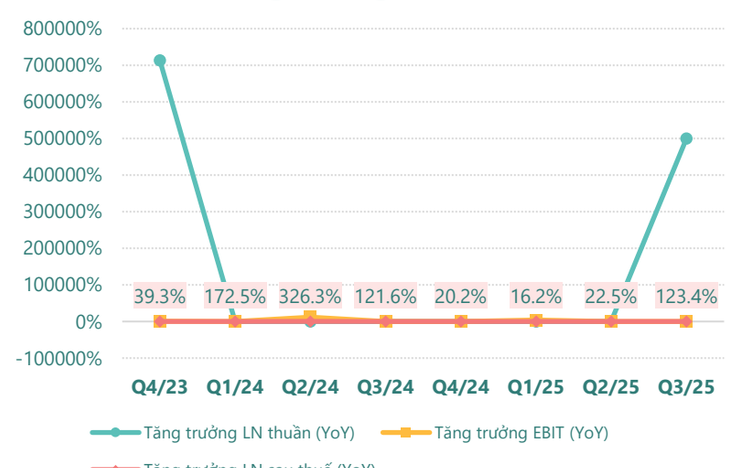
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



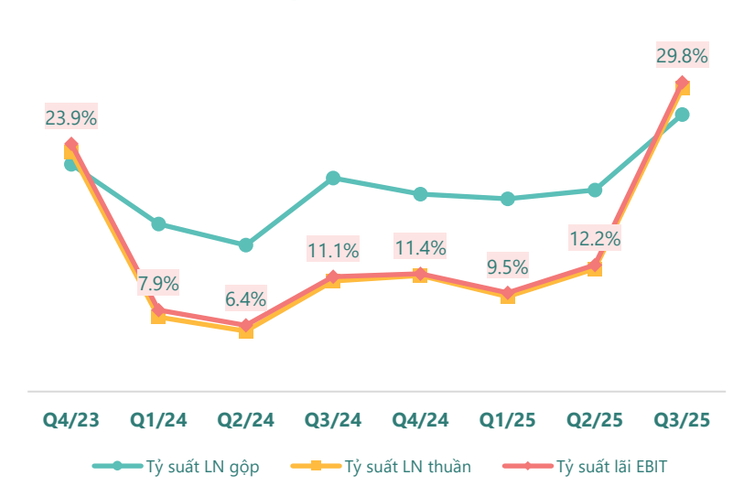
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



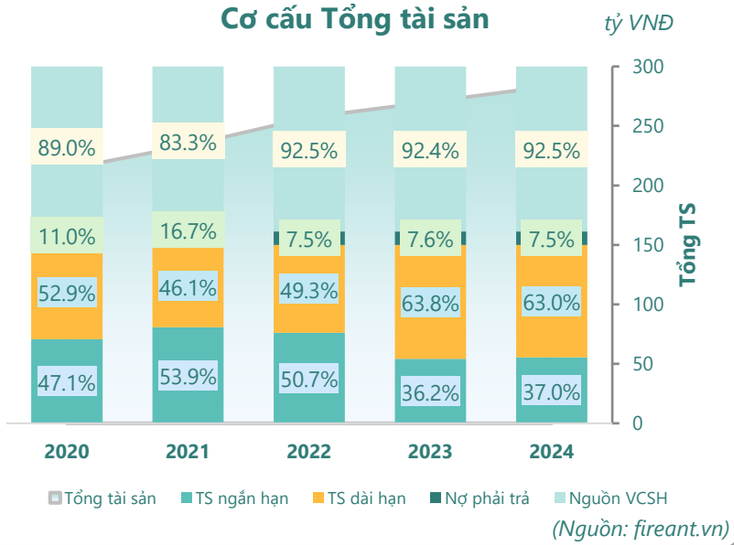
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

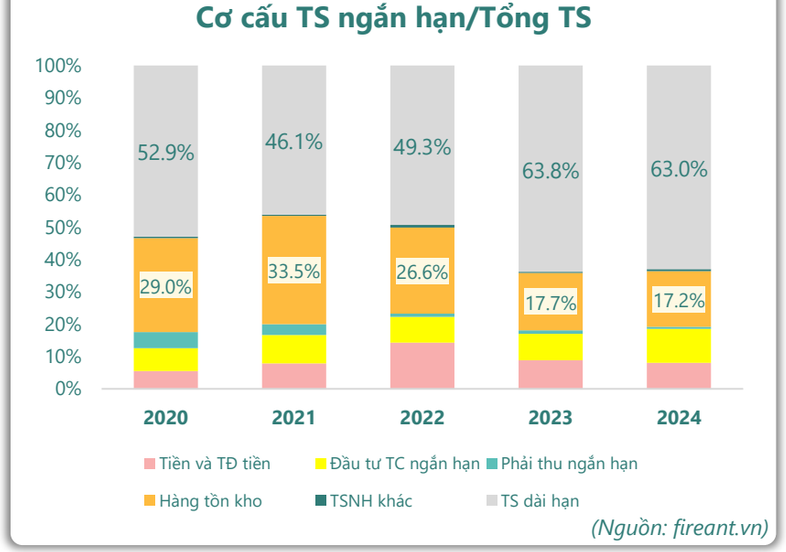


(Nguồn: fireant.vn)

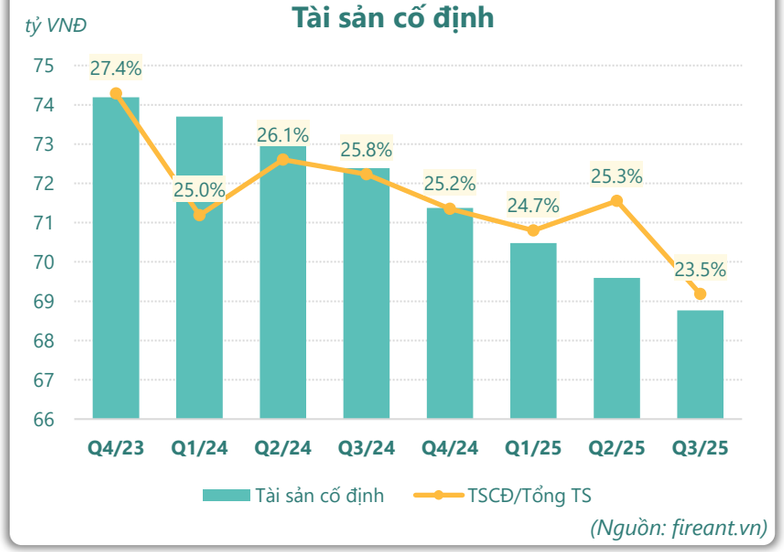
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



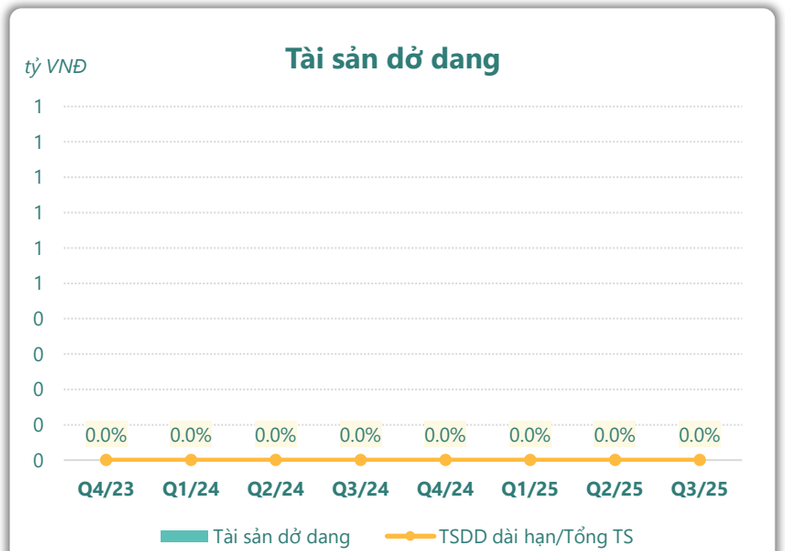
(Nguồn: fireant.vn)



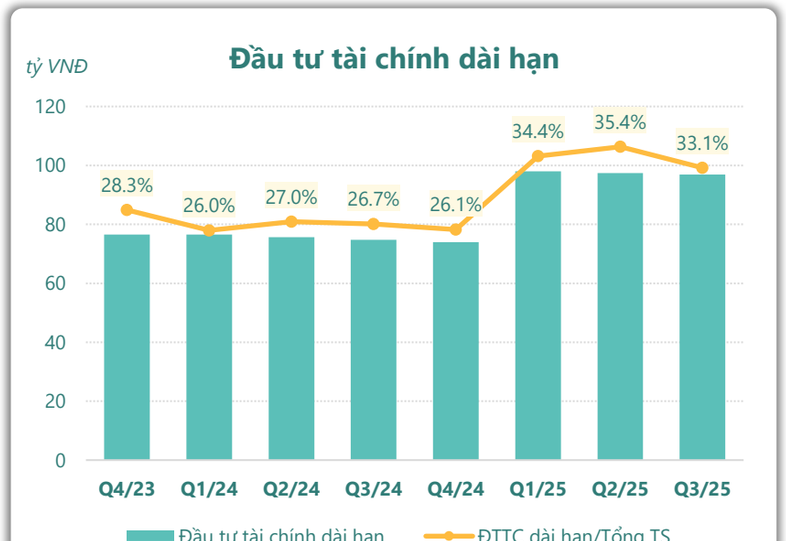
(Nguồn: fireant.vn)



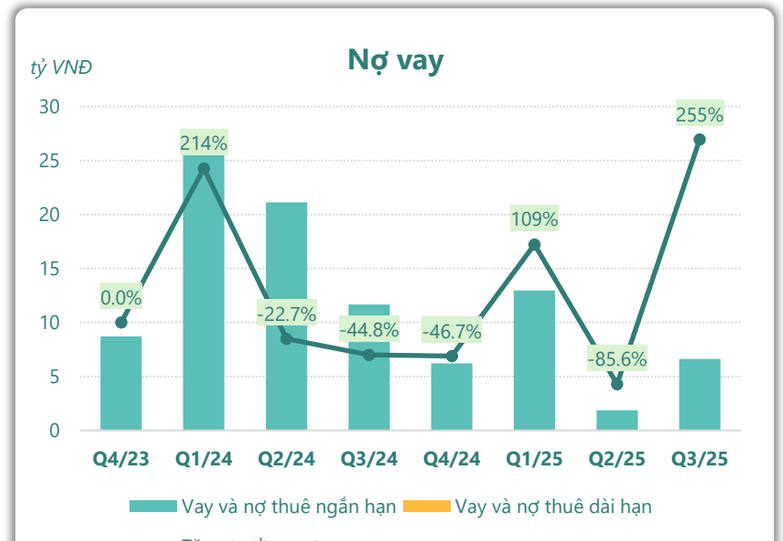
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



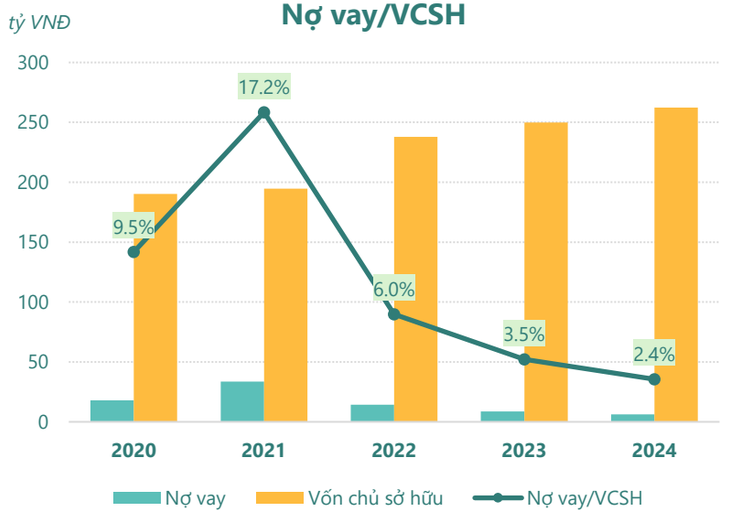
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

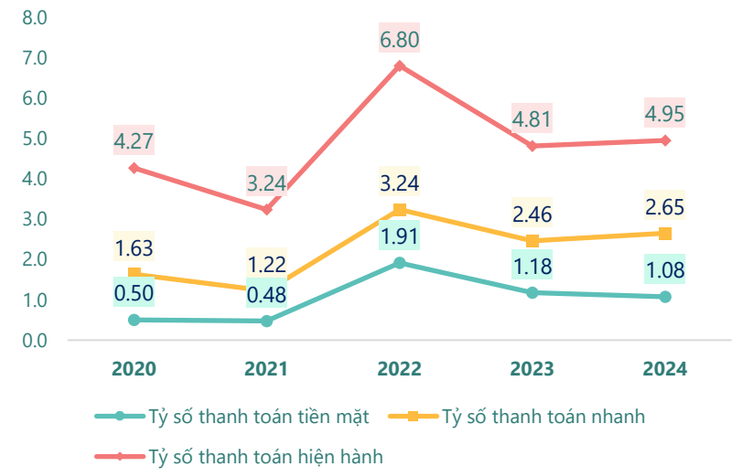
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



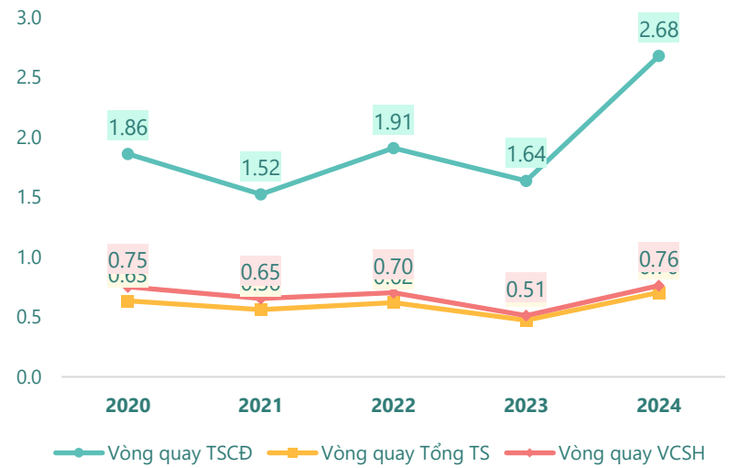
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



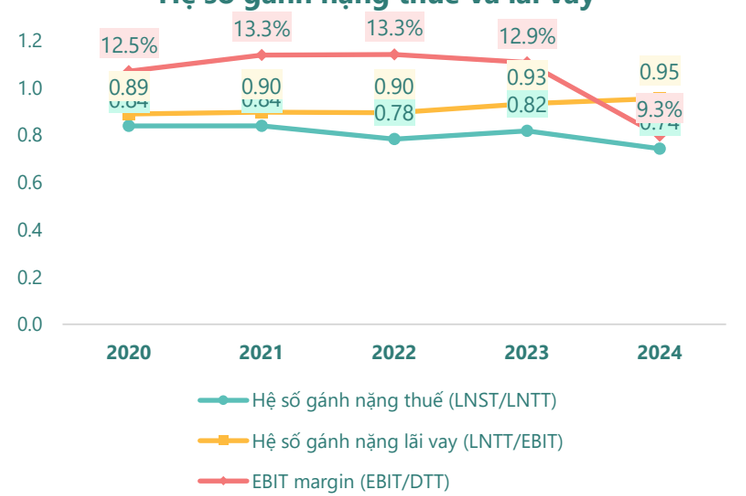
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



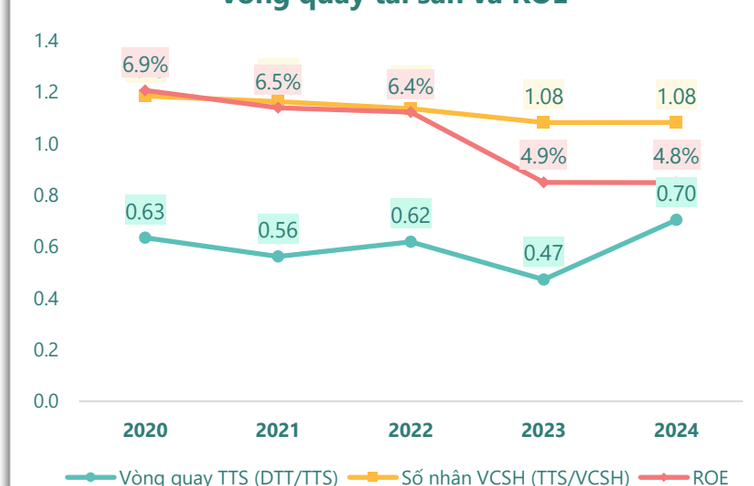
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



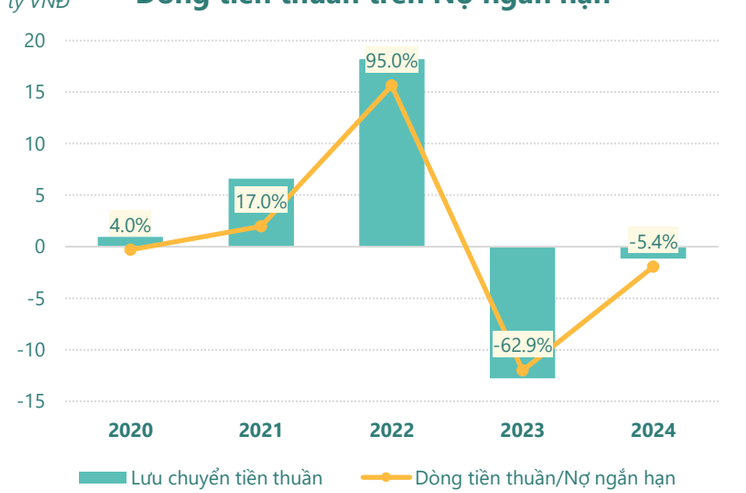
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**36.1**	**38.7**	**-6.6%**	**103**	**128**	**-20.0%**
Giá vốn hàng bán	26.5	30.7	-13.7%	80.4	107	-24.9%
Lợi nhuận gộp	9.66	7.97	21.2%	22.3	21.4	4.5%
Doanh thu HĐTC	4.87	0.61	698%	7.02	1.49	372%
Chi phí TC	0.63	0.57	10.0%	1.79	1.62	10.8%
Chi phí lãi vay	0.11	0.16	-33.7%	0.34	0.71	-51.7%
LN trong công ty LKLD	**-0.54**	**-0.82**	**34.4%**	**-1.61**	**-1.72**	**6.4%**
Chi phí bán hàng	1.08	1.22	-11.8%	3.20	3.70	-13.3%
Chi phí QLDN	**1.72**	**1.85**	**-6.9%**	**5.10**	**5.98**	**-14.7%**
LN thuần từ HĐKD	10.6	4.13	156%	17.6	9.86	79.0%
Lợi nhuận khác	**0.11**	**0.00**		**0.11**	**0.00**	**6136%**
LN trước thuế	10.7	4.13	158%	17.8	9.86	80.1%
Lợi nhuận sau thuế	**8.32**	**3.02**	**175%**	**13.5**	**7.21**	**87.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.11**	**2.90**	**180%**	**13.1**	**6.97**	**88.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.86	17.3	21.1	-24.6	16.0	23.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.61	-15.0	1.30	1.75	0.20	1.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.19	-9.48	-5.44	6.75	-11.7	4.75
Tiền đầu kỳ	18.9	13.0	5.81	22.8	6.67	11.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.94**	**-7.18**	**17.0**	**-16.1**	**4.55**	**29.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.0	5.81	22.8	6.67	11.2	40.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**293**	**284**	**3.3%**
Tài sản ngắn hạn	101	105	-3.7%
Tiền và tương đương tiền	40.6	22.8	78.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.6	30.0	-64.5%
Phải thu ngắn hạn	4.75	1.64	189%
Hàng tồn kho	44.5	48.8	-8.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.53	1.81	-70.9%
Tài sản dài hạn	**192**	**179**	**7.4%**
Phải thu dài hạn	9.08	14.1	-35.5%
Tài sản cố định	68.8	71.4	-3.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	96.9	74.0	30.9%
Tài sản dài hạn khác	**8.02**	**8.47**	**-5.3%**
Lợi thế thương mại	9.14	10.8	-15.0%
Nợ phải trả	17.7	21.4	-17.0%
Nợ ngắn hạn	**17.5**	**21.2**	**-17.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.62	6.21	6.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.21	5.97	-12.9%
Nợ dài hạn	0.20	0.20	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**275**	**262**	**4.9%**
Vốn chủ sở hữu	**275**	**262**	**4.9%**
Vốn điều lệ	254	242	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)